

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thị Thanh Lễ (280007)**

Số SV có mặt: 63

Số bài thi: 63

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Thị Thanh Lễ</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Trần Thị Thanh Lễ</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050070	PHAN KIM TUẤN	07/04/2001	CCQ1905C				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050002	ĐINH THÀNH	14/09/2002	CCQ2005A				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050036	THÁI XUÂN	16/12/2002	CCQ2005B				7.0	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050004	HỒ HOÀNG	13/12/2002	CCQ2005A				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050005	BÙI TRỌNG	02/06/2002	CCQ2005A				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050038	DƯƠNG THÀNH	25/03/2002	CCQ2005B				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050039	NGUYỄN TIẾN	15/10/2002	CCQ2005B				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050006	VÕ THANH	24/08/2002	CCQ2005A				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050040	NGUYỄN ANH	22/12/2002	CCQ2005B				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050007	TRẦN MẬU	01/09/2002	CCQ2005A				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050010	TRẦN TUẤN	03/02/2002	CCQ2005A				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH	05/02/2002	CCQ2005B				7.0	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050009	NGUYỄN PHI	24/06/2002	CCQ2005A				7.0	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050044	NGUYỄN MẠNH	10/02/2002	CCQ2005B				7.0	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050042	LÊ TRẦN QUANG	05/11/2002	CCQ2005B				8.5	8	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050011	ĐỖ TẤN	11/09/2002	CCQ2005A				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050012	HỒ NHỰT	17/12/2002	CCQ2005A				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050013	NGUYỄN VŨ	08/03/2002	CCQ2005A				8.5	7.5	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thị Thanh Lễ (280007)**

Số SV có mặt: 63

Số bài thi: 63

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<u>Trần Thị Thanh Lễ</u>	<u>Nguyễn Văn Hùng</u>	<u>Trần Thị Thanh Lễ</u>	<u>Nguyễn Văn Hùng</u>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050141	HUỖNH VĂN KIẾT	29/06/2001	CCQ1905D				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050014	NGUYỄN DUY NHẤT	05/12/2002	CCQ2005A				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC LÂM	20/11/2001	CCQ2005B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050047	HUỖNH PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B				8.0	7	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050016	TRẦN DUY PHONG	16/04/2002	CCQ2005A				8.5	8	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B				8.5	8	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050050	BÙI VŨ BÁCH NHA	20/02/2002	CCQ2005B				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120050051	ĐINH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120050052	SƠN NHI	22/11/2002	CCQ2005B				8.5	6	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120050053	NGUYỄN XUÂN PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B				8.5	7	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120050054	TRƯƠNG BÌNH PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B				8.5	7	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120050018	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/01/2002	CCQ2005A				8.5	6	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B				8.5	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120050058	VŨ ĐỨC TÀI	15/10/2001	CCQ2005B				9.0	7.5	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH QUAN	13/08/2001	CCQ2005A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120050059	BÁ HOÀNG TÂN	29/09/2001	CCQ2005B				8.0	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120050020	TRẦN NGỌC QUÝ	08/06/2002	CCQ2005A				8.0	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120050021	PHẠM SÁNG	28/02/1998	CCQ2005A				8.0	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120050060	HUỖNH HỮU THÁI	02/06/2002	CCQ2005B				8.0	6.5	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thị Thanh Lễ (280007)**

Số SV có mặt: 63

Số bài thi: 63

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>l2</i> <i>Trần Thị Thanh Lễ</i>	<i>l2</i> <i>Nguyễn Thị Thanh</i>	<i>l2</i> <i>Trần Thị Thanh Lễ</i>	<i>l2</i> <i>Nguyễn Thị Thanh</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120050023	HÀ THANH SON	10/08/2002	CCQ2005A				8.0	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B				9.0	7	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN SỸ	07/10/2002	CCQ2005A				8.0	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A				9.0	7	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2120050025	VÕ TẤN TÀI	23/12/2002	CCQ2005A				9.0	7	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A				9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2119050029	NGUYỄN THANH TÌNH	03/04/2001	CCQ1905A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B				9.0	7	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2120050027	BÙI VĂN DUY TÂN	08/12/2002	CCQ2005A				9.0	7	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2118060037	NGUYỄN TRƯỜNG SANH TOÀN	08/07/2000	CCQ1805C				8.0	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2120050029	NGUYỄN THIÊN THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A				8.0	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2120050028	NGUYỄN THẾ TÂN	24/09/2001	CCQ2005A				9.0	7.5	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2120050065	HUỖNH MINH TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B				8.5	5	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2120050030	LÊ VĂN THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2119050137	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	16/08/2000	CCQ1905D				8.5	8	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2120050031	TRẦN DIỆP THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A				8.0	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B				8.0	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2120050032	LÊ THANH TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A				8.0	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH TÙNG	17/03/2002	CCQ2005B				8.5	8.0	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thị Thanh Lễ (280007)**

Số SV có mặt: 63

Số bài thi: 63

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<u>12</u> Trần Thị Thanh Lễ	<u>6mm</u> Nguyễn Thị Ngọc	<u>12</u> Trần Thị Thanh Lễ	<u>6mm</u> Nguyễn Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2118030192	PHẠM NHÂN VĂN	24/01/2000	CCQ1805C				8.5	7	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2120050068	THIÊN NGỌC VÂN	02/12/2002	CCQ2005B				8.5	7	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B				8.5	6	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI VŨ	06/07/2002	CCQ2005A				8.5	6	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2120050034	CAO VĂN TUẤN VŨ	16/12/2001	CCQ2005A				8.5	8	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

66 2119050131 Trần Ngọc Sinh 15/9/2001 CCQ1905D.

8.0 6 6.8